

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỘI AN
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 03/2023/HC-ST

Ngày 13.9.2023

*V/v khiếu kiện hành vi hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỘI AN, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhạn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Như Thương

2. Bà Nguyễn Thị Đông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩn, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hội An.

- Đại diện VKSND thành phố Hội An tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2023, tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hội An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2023/TLST- HC ngày 13 tháng 3 năm 2023, về việc “*Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST-HC ngày 02 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST-HC ngày 22 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Trần Văn N, sinh năm: 1948; Địa chỉ: xã C, thành phố H, tỉnh Q.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn T, sinh năm: 2000; Địa chỉ: Khu phố số 9, thị trấn L, huyện B, tỉnh Q và ông Nguyễn Thành C, sinh năm: 1991; Địa chỉ: Tổ 3, khối M, phường A, thành phố H, tỉnh Q (*Văn bản ủy quyền ngày 30/11/2022*). Có mặt.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân xã C, thành phố H, tỉnh Q; Địa chỉ: xã C, thành phố H, tỉnh Q;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Ngọc H – Chức vụ: Chủ tịch. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trương Thị Ng, sinh năm: 1952; Địa chỉ: xã C, thành phố H, tỉnh Q. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bảng trình bày ý kiến, biên bản đối thoại và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn N là ông Nguyễn Thành C và Lê Văn T trình bày:

Ngày 05 tháng 12 năm 2022 ông Trần Văn N nộp hồ sơ xin xác nhận nguồn gốc đất (cấp giấy chứng nhận QSDĐ) tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân (UBND) xã C và đã được tiếp nhận hồ sơ số: 09/TN&TKQ ngày 05 tháng 12 năm 2022.

Đến ngày 13 tháng 01 năm 2023, ông N nhận được Thông báo số 05/TB-UBND của Ủy ban nhân dân xã C ngày 13 tháng 01 năm 2023 về việc trả lời đơn đăng ký cấp GCNQSD đất, QSH nhà ở và TSK gắn liền với đất do ông Trần Văn N và bà Trương Thị Ng đứng tên. Theo nội dung của thông báo có đề cập đến nội dung: *“Thửa đất ông/bà đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc một phần thửa đất số 59, tờ bản đồ số 13 (theo hồ sơ mới đo) đã được UBND thành phố H ban hành quyết định số 2162/QĐ-UBND ngày 12/12/2012 quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu và UBND tỉnh Q đã ban hành quyết định số 1103/QĐ-UBND ngày 09/04/2013 quyết định giải quyết khiếu nại lần hai của bà Trương Thị Ngh trú tại xã C, thành phố H. Từ lý do nêu trên: UBND xã C thông báo không tiếp nhận đơn của ông Trần Văn N và bà Trương Thị Ng.”*

Theo nội dung trong thông báo về việc không tiếp nhận đơn của ông Trần Văn N và bà Trương Thị Ngh có đề cập đến việc UBND thành phố H và UBND tỉnh Q đã giải quyết khiếu nại lần đầu và khiếu nại lần hai của gia đình ông N. Tuy nhiên, việc giải quyết khiếu nại lần đầu và khiếu nại lần hai theo như nội dung trong thông báo mà UBND xã C đã đề cập đến không liên quan đến việc tiếp nhận Hồ sơ xin xác nhận nguồn gốc đất (cấp giấy chứng nhận QSDĐ). Việc UBND xã C đề cập đến việc giải quyết khiếu nại để từ chối tiếp nhận hồ sơ của gia đình ông N là trái quy định của pháp luật.

Đồng thời, căn cứ tại Nghị định 43/2014/NĐ-CP, thì nơi nộp hồ sơ đề nghị làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được quy định như sau: *“Cá nhân, hộ gia đình nộp hồ sơ tại UBND xã, phường, thị trấn nơi có đất nếu có nhu cầu”*. Như vậy, căn cứ vào các quy định trên, việc gia đình ông N có nhu cầu được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND xã C là đúng pháp luật. Tuy nhiên, việc UBND xã C từ chối tiếp nhận hồ sơ với lý do: *“Thửa đất ông/bà đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc một phần thửa đất số 59, tờ bản đồ số 13 (theo hồ sơ mới đo) đã được UBND thành phố H ban hành quyết định số 2162/QĐ-UBND ngày 12/12/2012 quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu và UBND tỉnh Q đã ban hành quyết định số 1103/QĐ-UBND ngày 09/04/2013 quyết định giải quyết khiếu nại lần hai của bà Trương Thị Ngh xã C, thành phố H”* là không hợp lý. Việc UBND xã C căn cứ vào quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của UBND thành phố H và quyết định giải quyết khiếu nại lần hai của UBND tỉnh Q để không tiếp nhận đơn của ông Như cho thấy UBND xã C cố tình đùn đẩy trách nhiệm và không thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ của gia đình ông N.

Vì vậy người khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố H giải quyết:

- Buộc Ủy ban nhân dân xã C tiếp nhận Hồ sơ xin xác nhận nguồn gốc đất (cấp giấy chứng nhận QSDĐ) của ông Trần Văn N và bà Trương Thị Ngh đối với thửa đất số 260, tờ bản đồ số 13, diện tích 226,6m² theo kết quả trích đo địa chính thửa đất ngày 19/5/2023.

- Tại văn bản trình bày ý kiến, biên bản đối thoại, người đại diện theo pháp luật của UBND xã C, thành phố H – ông Huỳnh Ngọc H – Chủ tịch UBND xã C trình bày:

Thửa đất ông Trần Văn N và bà Trương Thị Ngh xin cấp giấy chứng nhận QSD đất, QSH nhà ở và TSK gắn liền với đất là một phần thửa đất số 65(260), tờ bản đồ số 3(13). Ngày 27/7/2007, UBND thị xã H (nay là UBND thành phố H) ban hành Quyết định số 245/QĐ-UBND quyết định thu hồi đất, giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho công dân xây dựng nhà ở. Tại quyết định đã thu hồi diện tích 214m² thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ số 3 xã C. Năm 2012 Chủ tịch UBND thành phố H đã tiếp nhận đơn khiếu nại của bà Trương Thị Ngh và đã ban hành Quyết định số 2162/QĐ-UBND ngày 12/12/2012. Năm 2013 Chủ tịch UBND tỉnh Q đã tiếp nhận đơn khiếu nại lần 2 của bà Trương Thị Ngh và đã ban hành quyết định số 1103/QĐ-UBND ngày 09/4/2013 Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai của bà Trương Thị Ngh trú tại xã C, thành phố H.

Tại các Quyết định nêu trên, Chủ tịch UBND tỉnh Q, Chủ tịch UBND thành phố H đều không công nhận nội dung khiếu nại của bà Trương Thị Ngh.

Bản chất của việc ông Trần Văn N và bà Trương Thị Ngh yêu cầu UBND xã C xác nhận nguồn gốc đất để thực hiện việc đăng ký, cấp giấy chứng nhận QSD đất, QSH nhà ở và TSK gắn liền với đất. Như vậy, nội dung nêu trên đã được Chủ tịch UBND tỉnh Q, UBND thành phố H giải quyết khiếu nại.

Trường hợp ông N và bà Ngh có nhu cầu thực hiện đăng ký đất đai lần đầu thì căn cứ quyết định số 1389/QĐ-UBND ngày 24/5/2021 Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính cấp huyện, được sửa đổi bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q. Thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ của ông Trần Văn N và bà Trương Thị Ngh thuộc bộ phận một cửa cấp huyện.

Do đó, ông Trần Văn N và bà Trương Thị Ngh khởi kiện UBND xã C là không có cơ sở. UBND xã C đề nghị Tòa án nhân dân thành phố H xem xét bác đơn khởi kiện của ông Trần Văn N và bà Trương Thị Ngh.

- Tại văn bản trình bày ý kiến Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trương Thị Ngh trình bày: Bà đồng ý với những với trình bày và yêu cầu của người khởi kiện. Yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố H giải quyết buộc Ủy ban nhân dân xã C tiếp nhận Hồ sơ xin xác nhận nguồn gốc đất (cấp giấy chứng nhận QSDĐ) của ông Trần Văn N và bà Trương Thị Ngh đối với thửa đất số 260, tờ bản đồ số 13, diện tích 226,6m² loại đất trồng cây lâu năm.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng không thành. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố H mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hành chính để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã chấp hành đúng quy định của Luật tổ tụng hành chính.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Người khởi kiện: Đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 54, 55, 56 Luật tổ tụng Hành chính; đã trình bày, ý kiến, cung cấp các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; có mặt đầy đủ theo giấy triệu tập và chấp hành các quyết định của Tòa án.

Người bị kiện: Đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 54, 55, 57 Luật tổ tụng Hành chính; Tuy nhiên việc thực hiện chưa đầy đủ; chấp hành chưa nghiêm giấy triệu tập của Tòa án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 54, 55, 58 Luật tổ tụng Hành chính.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 30, 31, Điều 115, 116 và 193 Luật Tổ tụng hành chính; điểm a khoản 2 Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Trần Văn N đối với Ủy ban nhân dân xã C.

Buộc Ủy ban nhân dân xã C tiếp nhận hồ sơ xin xác nhận nguồn gốc đất (cấp giấy chứng nhận QSDĐ) của ông Trần Văn N và bà Trương Thị Ngh đối với thửa đất số 260, tờ bản đồ số 13, diện tích 226,6m² loại đất trồng cây lâu năm.

2. Án phí Hành chính sơ thẩm: Đương sự chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Tại phiên tòa vắng mặt người bị kiện; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Tòa án nhân dân thành phố H đã triệu tập hợp lệ đối với người bị kiện UBND xã C tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng người này vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt theo quy định Điều 157 Luật tổ tụng hành chính.

[2] Ông Trần Văn N khởi kiện hành vi không tiếp nhận Hồ sơ xin xác nhận nguồn gốc đất (cấp giấy chứng nhận QSDĐ) của ông Trần Văn N và bà Trương Thị Ngh đối với thửa đất số 260, tờ bản đồ số 13, diện tích 219,8m² loại đất trồng cây lâu năm của UBND xã C, thành phố H, tỉnh Q. Đây là hành vi hành chính thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân

dân thành phố H, tỉnh Q theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và khoản 1 Điều 31 Luật Tổ tụng Hành chính.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 05 tháng 12 năm 2022 ông Trần Văn N nộp “Hồ sơ xin xác nhận nguồn gốc đất (cấp giấy chứng nhận QSDĐ) tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân xã C và đã được tiếp nhận hồ sơ số: 09/TN&TKQ ngày 05 tháng 12 năm 2022. Đến ngày 13 tháng 01 năm 2023, ông N nhận được Thông báo số 05/TB-UBND của UBND xã C ngày 13 tháng 01 năm 2023 Về việc trả lời đơn đăng ký cấp GCN QSD đất, QSH nhà ở và TSK gắn liền với đất do ông Trần Văn N và bà Trương Thị Ngh đứng tên là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng Hành chính.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện:

Vào ngày 05/12/2022 người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn N là ông Lê Văn T nộp “Hồ sơ xin xác nhận nguồn gốc đất (cấp giấy chứng nhận QSDĐ) đối với thửa đất số 260, tờ bản đồ số 13, diện tích 219,8m² tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân xã C, thành phần hồ sơ nộp gồm: Đơn đăng ký, cấp GCN QSD đất, QSH nhà ở và TSK gắn liền với đất (mẫu 04a/ĐK); GCN QSD đất bản phô tô (số GCN V426683); Giấy ủy quyền; Trích đo hiện trạng thửa đất (do công dân tự lập); CCCD mang tên Trần Văn N, bà Trương Thị Ngh (bản phô tô); Hộ khẩu (bản phô tô) và đã được tiếp nhận hồ sơ số: 09/TN&TKQ ngày 05 tháng 12 năm 2022 (bút lục số 05).

Ngày 13 tháng 01 năm 2023 Ủy ban nhân dân xã C ra Thông báo số 05/TB-UBND của UBND xã về việc trả lời đơn đăng ký cấp GCN QSD đất, QSH nhà ở và TSK gắn liền với đất do ông Trần Văn N và bà Trương Thị Ngh đứng tên. Theo nội dung của thông báo có đề cập đến việc: “*Thửa đất ông/bà đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc một phần thửa đất số 59, tờ bản đồ số 13 (theo hồ sơ mới đo) đã được UBND thành phố H ban hành quyết định số 2162/QĐ-UBND ngày 12/12/2012 quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu và UBND tỉnh Q đã ban hành quyết định số 1103/QĐ-UBND ngày 09/04/2013 quyết định giải quyết khiếu nại lần hai của bà Trương Thị Ngh trú tại xã C, thành phố H*”. Từ lý do nêu trên: UBND xã C thông báo không tiếp nhận đơn của ông Trần Văn N và bà Trương Thị Ngh.

Quá trình giải quyết tại Tòa án, người khởi kiện nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận trả kết quả thành phố H. Ngày 20/4/2023 bộ phận tiếp nhận trả kết quả thành phố H có phiếu số 07/TN-TKQ Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đề nghị ông N liên hệ Ủy ban nhân dân xã C để được hướng dẫn các thủ tục (Bút lục số 76).

Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 70 Nghị Định 43/2014/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Đất đai quy định trình tự, thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu và đăng ký bổ sung đối với tài sản gắn liền với đất.

1. Người sử dụng đất nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định để làm thủ tục đăng ký.
2. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam đề nghị đăng ký đất đai, tài sản

gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thực hiện các công việc như sau:

a) Trường hợp đăng ký đất đai thì xác nhận hiện trạng sử dụng đất so với nội dung kê khai đăng ký; trường hợp không có giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai và **Điều 18 của Nghị định này** thì xác nhận nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh chấp sử dụng đất, sự phù hợp với quy hoạch.

Như vậy việc Ủy ban nhân dân xã C thành phố H không tiếp nhận Hồ sơ xin xác nhận nguồn gốc đất (cấp giấy chứng nhận QSDĐ) của ông Trần Văn N và bà Trương Thị Ngh là không đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật. Bởi lẽ, Ủy ban nhân dân xã C là cơ quan hành chính nhà nước việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả phải thực hiện đúng theo thủ tục hành chính, trình tự pháp luật theo quy định, không thể mặc nhiên sử dụng một hình thức văn bản theo ý chí chủ quan của Ủy ban nhân dân xã để trả lời cho ông N nhằm thay thế các quy định của pháp luật. Việc xác nhận với nội dung như thế nào là do Ủy ban nhân dân xã quyết định nhưng phải đảm bảo tuân thủ về hình thức văn bản.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn N là có căn cứ theo quy định pháp luật nên buộc Ủy ban nhân dân xã C phải tiếp nhận Hồ sơ xin xác nhận nguồn gốc đất (cấp giấy chứng nhận QSDĐ) của ông Trần Văn N và bà Trương Thị Ngh đối với thửa đất số 260, tờ bản đồ số 13, diện tích 219,8m² (diện tích 226,6m² theo kết quả trích đo địa chính thửa đất ngày 19/5/2023) và xác nhận nguồn gốc đất theo đúng quy định pháp luật.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: 1.767.000 đồng (*Một triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*), người khởi kiện tự nguyện chịu (đã nộp).

[6] Về án phí hành chính sơ thẩm: Do yêu cầu của người khởi kiện được Tòa án chấp nhận, nên người khởi kiện không phải chịu tiền án phí hành chính sơ thẩm. Người bị kiện phải chịu tiền án phí hành chính sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 3, 30, 31, 116, 193, 194, 195, 204, 206, 356, 358 của Luật Tổ tụng Hành chính; Điều 60, 70 của Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai. Căn cứ Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn N về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân xã C, thành phố H, tỉnh Q phải thực hiện hành vi hành chính cụ thể;

Buộc Ủy ban nhân dân xã C, thành phố H, tỉnh Q tiếp nhận Hồ sơ xin xác nhận nguồn gốc đất (cấp giấy chứng nhận QSDĐ) của ông Trần Văn N và bà Trương Thị Ngh đối với thửa đất số 260, tờ bản đồ số 13, diện tích 226,6m² loại

đất trồng cây lâu năm (diện tích theo kết quả trích đo địa chính thửa đất ngày 19/5/2023) theo đúng quy định pháp luật.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân xã C, thành phố H, tỉnh Q phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13.9.2023). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q;
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THA dân sự thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Nhạn